TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:153/2018/HNGĐ-ST
Ngày:30/7/2018
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa*: Ông **NGUYỄN TRUNG TÍNH**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **TRẦN VĂN NHU**
2. Ông **LÊ VĂN LÂU**
- *Thư ký phiên Tòa:* Ông **NGUYỄN CHIẾN CÔNG** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 404/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp *"xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 và giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **LÊ MỸ T,** sinh năm 1972
Địa chỉ: ấp TH, xã ATĐ, huyện CB, tỉnh TG.
Bị đơn:* Anh **TRẦN THÁI B, sinh năm 1968
Địa chỉ: ấp TH, xã ATĐ, huyện CB, tỉnh TG.
(Chị T có mặt, anh B vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 25/5/2018 và lời khai tại Toà, nguyên đơn chị Lê Mỹ T trình bày:

Chị và anh B xác lập quan hệ vợ chồng năm 1992, không có đăng ký kết hôn, sau khi cưới về sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài đến nay. Nguyên nhân theo chị là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi nhau, anh B thường nhậu say sỉn về đánh đập chị nhiều lần, chị nhiều lần khuyên can nhưng anh không sửa đổi, vợ chồng hàn gắn nhiều lần nhưng không thành nên đã ly thân năm 2015 đến nay. Nay chị xin ly hôn anh B.

+ Về con chung : Anh chị có 02 con chung tên Trần An N, sinh ngày 14/4/1993 và Trần Ngọc Trang N, sinh ngày 12/11/2005, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu Trần Ngọc Trang N, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng, còn cháu N đã trưởng thành.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

* Theo tờ tự khai đề ngày 29/6/2018 phía bị đơn anh Trần Thái B trình bày:

Anh thống nhất toàn bộ ý kiến và yêu cầu theo đơn kiện của chị T. Nay anh đồng ý ly hôn chị T, về con chung: cháu Trần An N, sinh ngày 14/4/1993 đã trưởng thành, còn cháu Trần Ngọc Trang N, sinh ngày 12/11/2005 anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con, anh không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên, còn anh Bình có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Anh Trần Thái B có đơn xin giải quyết và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh, căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh B là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân : Chị Lê Mỹ T và anh Trần Thái B chung sống với nhau từ năm 1992, do không am hiểu pháp luật nên không có đăng ký kết hôn. Theo lời chị T khai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2006 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ năm 2015 cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên cự cãi nhau, anh B nhiều lần nhậu say về đánh đập chị, chị nhiều lần khuyên can nhưng anh không sửa đổi, vợ chồng nhiều lần hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành, nay chị xin ly hôn anh B. Còn phía anh B có ý kiến xin giải quyết xét xử vắng mặt anh, tuy nhiên theo tờ tường trình anh cung cấp cho Tòa án đề ngày 29/6/2018 anh cũng xác định anh và chị T chung sống vào năm 1992, không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly thân nhau, nay anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Xét thấy chị T và anh B đều có ý kiến thống nhất thỏa thuận ly hôn, tuy nhiên trong thời gian chung sống với nhau từ năm 1992 cho đến nay anh, chị không có đăng ký kết hôn là vi phạm điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh B là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Trần An N, sinh ngày 14/4/1993 và Trần Ngọc Trang N, sinh ngày 12/11/2005. Tại phiên tòa chị T vẫn giữ yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Trần Ngọc Trang N, còn cháu Trần An N đã trưởng thành, phía anh B vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên theo tờ tự khai ngày 29/6/2018 anh cũng đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con chung là cháu Trần Ngọc Trang N. Mặc khác qua tham khảo ý kiến của cháu Trần Ngọc Trang N cũng có nguyện vọng sống với chị T khi anh chị ly hôn. Xét thấy từ khi chị T và anh B ly thân, cháu Trần Ngọc Trang N do chị T nuôi dưỡng đã ổn định, cháu T vẫn học tập và phát triển tốt cũng phù hợp theo đơn xin xác nhận do chị T cung cấp có xác nhận của UBND xã ATĐ ngày 06/6/2018 về hiện trạng nuôi con của chị, do vậy hội đồng xét xử nhận thấy để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý của con chung và ổn định cuộc sống của cháu nên tiếp tục giao cháu Trần Ngọc Trang N cho chị T nuôi là phù hợp theo điều 81 Luật hôn nhân và gia đình .

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T xác định đủ khả năng nuôi con, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1/ ***Về quan hệ hôn nhân***:

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Mỹ T và anh Trần Thái B.

2/ ***Về con chung***:

- Giao cháu Trần Ngọc Trang N, sinh ngày 12/11/2005 cho chị T nuôi dưỡng.

Anh Trần Thái B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Thái B được quyền tới lui thăm con chung theo quy định của pháp luật.

3/ ***Về tài sản chung***: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

4/ ***Về nợ chung***: Không có.

5/ ***Về án phí***:

Chị Lê Mỹ T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 08748 ngày 25/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên xem như chị đã thi hành xong và không phải nộp tiếp.

Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND Huyện Cái Bè*;
- *Chi cục THADS huyện Cái Bè;*
- *UBND xã An Thái Đông;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN TRUNG TÍNH